

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CVT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067101103 - Quy ho ch tuy n t ãnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671010686	36CVT1	Phan Th T ¼ Anh	01/09/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
2	3671011528	36CVT1	Tr n Tu n Anh	02/04/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
3	3671012042	36CVT1	Lâm Thanh B o	26/05/1994				4.5	9.5		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
4	3671011999	36CVT1	B ½ ã nh B c	28/11/1993				2.0	4.5		3.3	1.0	5.5	3.9	4.8	
5	3671011285	36CVT1	Nguy n V ½ Thanh Bình	30/06/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
6	3671011859	36CVT1	D ã ng V H Ch ́ Công	09/06/1994				2.0	2.5		2.3	0.7	3.0	2.1	2.8	
7	3671011042	36CVT1	Phan Minh C ã ng	16/07/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671011473	36CVT1	Nguy n Th Minh Châu	14/03/1993				5.5	5.0		5.3	1.6	4.5	3.2	4.7	
9	3671011977	36CVT1	Tr n Th Linh Chi	12/10/1993				2.0	4.5		3.3	1.0	5.5	3.9	4.8	
10	3671012014	36CVT1	ñ ã ng Th Di m	18/08/1994				4.0	6.5		5.3	1.6	8.0	5.6	7.2	
11	3671010407	36CVT1	Nguy n Ng c Ph c Đình	21/11/1993				2.0	7.0		4.5	1.4	4.0	2.8	4.2	
12	3671010581	36CVT1	Mai Qu c D ½ ã ng	19/07/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
13	3572031594	36CVT1	Nguy n T t ã o ¼ ã	18/07/1991							0.0	0.0	0	0.0		N HP
14	3671011085	36CVT1	Nguy n Ch ã c	10/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
15	3671011935	36CVT1	Nguy n H o ¼ ã ng H o	14/03/1994				8.0	8.0		8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
16	3671012000	36CVT1	ñ ã ng Xu a n H	19/08/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	3.3	2.3	3.8	N HP
17	3671011685	36CVT1	Nguy n Trung H u	04/02/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
18	3671011594	36CVT1	Ph m Minh Hi u	12/04/1994				2.0	0.0		1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
19	3671011562	36CVT1	V H ½ ã nh Hi p	05/07/1994				3.5	5.0		4.3	1.3	8.5	6.0	7.2	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CVT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101103 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ầ T c N		NG ẦY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671011145	36CVT1	Nguy n Huy	Ho ầ ng	30/08/1994				2.0	8.0		5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
21	3671011846	36CVT1	Ph m Nguy n Anh	Ho ầ ng	28/02/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
22	3671010364	36CVT1	VH B ấ n	H ầ a	01/01/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	1.0	0.7	1.5	
23	3671011676	36CVT1	ấ o ầ Quang	H ầ ng	18/07/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
24	3671012023	36CVT1	L ầ M nh	H ầ ng	02/10/1994				2.0	3.5		2.8	0.8	3.0	2.1	2.9	
25	3671011905	36CVT1	L ầ V ấ	H ầ ng	06/03/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	7.0	4.9	7.9	
26	3671010933	36CVT1	L ầ m Tri u	H ầ ng	01/10/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	1.5	1.1	2.0	
27	3671011897	36CVT1	Nguy n Th Thu	H ầ ng	26/01/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
28	3671012037	36CVT1	Nguy n Minh	Kha	17/08/1994				2.0	0.0		1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
29	3671011614	36CVT1	Hu nh Gia	Kh ầ nh	14/02/1994				2.5	2.5		2.5	0.8	2.0	1.4	2.2	
30	3671010277	36CVT1	Kh ầ ng Duy	Kh ầ nh	10/07/1993				2.0	2.0		2.0	0.6	0.5	0.4	1.0	
31	3671011585	36CVT1	Nguy n Ho ầ ng	Kh ầ nh	02/02/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	7.5	5.3	8.1	
32	3671010625	36CVT1	Ng ầ ấ nh	Khi ầ m	23/12/1993				2.0	3.0		2.5	0.8	3.5	2.5	3.2	
33	3671011655	36CVT1	Tr n ấ ấ ng	Khoa	17/06/1994				4.5	4.0		4.3	1.3	2.5	1.8	3.0	
34	3671011654	36CVT1	Nguy n Th	Lan	30/03/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	8.0	5.6	7.0	
35	3671011891	36CVT1	Tr n Th	Li ầ n	22/11/1993				2.0	2.0		2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	
36	3671010405	36CVT1	L ầ Th Kim	Linh	12/02/1994				6.5	9.5		8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	N HP
37	3671011502	36CVT1	V ồ Minh	Lu ầ n	10/07/1994				4.5	0.0		2.3	0.7	0.0	0.0	0.7	
38	3671011465	36CVT1	L ầ Ho ầ ng	Minh	07/10/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CVT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067101103 - Quy ho ch tuy n t ãnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671011217	36CVT1	Nguy n V ã M t	11/08/1994				3.0	7.0		5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
40	3671012007	36CVT1	Nguy n Th Ng n	20/05/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
41	3671010483	36CVT1	Nguy n Th Kim Ng n	11/01/1994				3.0	8.5		5.8	1.7	7.0	4.9	6.6	
42	3671011953	36CVT1	Nguy n Th Kim Ng n	10/08/1992				7.5	8.5		8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
43	3671010969	36CVT1	Tr n Th Kim Ng n	15/09/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	2.0	1.4	2.0	
44	3671011649	36CVT1	Lê Anh Ng y ên	26/11/1994				2.5	0.0		1.3	0.4	0.0	0.0	0.4	
45	3671011937	36CVT1	Lê Trung Nh n	01/01/1993				3.0	7.0		5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
46	3671010806	36CVT1	V H M nh Nh t	20/11/1994				4.5	7.0		5.8	1.7	5.0	3.5	5.2	
47	3671010610	36CVT1	ñ Ng c T i ² n Nh i	19/08/1994				2.0	2.5		2.3	0.7	5.5	3.9	4.5	
48	3671011849	36CVT1	L c V ã Nh c	18/07/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
49	3671011670	36CVT1	L ² T n Ph t	10/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
50	3671011112	36CVT1	Nguy n Th nh Ph t	14/09/1994				2.5	5.5		4.0	1.2	8.0	5.6	6.8	
51	3671010475	36CVT1	Nguy n H o ã Ng Quang	10/04/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	1.5	1.1	1.8	
52	3671010849	36CVT1	Nguy n Tr ng Quang	23/05/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
53	3671010666	36CVT1	Nguy n T i n Qu ng	28/12/1991				3.0	2.0		2.5	0.8	1.0	0.7	1.5	
54	3671012029	36CVT1	L ² ã nh Qu n	28/01/1993				2.0	4.0		3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
55	3671011090	36CVT1	C Ng c H o ã Ng Quý	24/02/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
56	3671010785	36CVT1	ñ V ã Sang	29/04/1994				2.5	3.0		2.8	0.8	3.0	2.1	2.9	
57	3671010828	36CVT1	L ² H u Sinh	12/04/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CVT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067101103 - Quy ho ch tuy n t ãnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3671012015	36CVT1	Ho ãng V ãh S n	13/04/1994				6.3	8.0		7.2	2.2	5.5	3.9	6.0	
59	3671010916	36CVT1	Ph m B ã S n	10/12/1994				2.0	2.5		2.3	0.7	2.0	1.4	2.1	
60	3671011294	36CVT1	Mai Ng c S	20/11/1993				2.0	3.0		2.5	0.8	4.0	2.8	3.6	
61	3671010939	36CVT1	H ã Nh t Tâm	16/04/1994				4.0	4.5		4.3	1.3	5.0	3.5	4.8	
62	3671011095	36CVT1	Phan V ãh Tân	07/04/1994				6.0	7.8		6.9	2.1	5.5	3.9	5.9	
63	3671010368	36CVT1	Hoàng Anh Tĩ n	25/05/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	6.5	4.6	5.3	
64	3671011863	36CVT1	Nguy n V ãh Tĩ n	13/01/1993				2.0	4.0		3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
65	3671011939	36CVT1	Nh Qu c Tĩnh	24/04/1993				2.0	2.5		2.3	0.7	5.5	3.9	4.5	N HP
66	3671011627	36CVT1	Ngô Anh Toàn	28/08/1994				2.5	3.0		2.8	0.8	1.0	0.7	1.5	
67	3671010755	36CVT1	Lê Anh Tu n	04/05/1994				2.0	6.0		4.0	1.2	7.5	5.3	6.5	
68	3671012033	36CVT1	Nguy n Minh Tu n	01/06/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
69	3671011919	36CVT1	Ph m Quang Tuy n	24/11/1993				2.0	0.0		1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
70	3671010380	36CVT1	Nguy n Tr ng Tú	26/09/1994				2.5	2.0		2.3	0.7	4.0	2.8	3.5	
71	3671010480	36CVT1	Tr n Xu ^a n Thanh	11/01/1993				2.0	3.0		2.5	0.8	2.0	1.4	2.2	
72	3671010612	36CVT1	Nguy n Quy t Th ng	01/12/1994				3.0	3.5		3.3	1.0	5.0	3.5	4.5	
73	3671011223	36CVT1	Nguy n V ãh Th ng	28/09/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	1.0	0.7	1.5	
74	3671011578	36CVT1	Tr n Qu c Th ng	20/11/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
75	3671011483	36CVT1	Tr n V ãh Th ng	01/05/1994				3.0	4.3		3.7	1.1	1.5	1.1	2.1	
76	3671010266	36CVT1	ñ o ã Ph ng Thi n	27/11/1992				3.5	3.5		3.5	1.1	4.5	3.2	4.2	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CVT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101103 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3671010291	36CVT1	Phan Công	Thìn	03/11/1992				3.0	2.0		2.5	0.8	3.5	2.5	3.2	
78	3671011604	36CVT1	T H u	Th nh	22/01/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
79	3671010158	36CVT1	V ấ ấ ấ	Th i	07/09/1988				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
80	3671011852	36CVT1	ấ ấ Th Ho ấ	Thu	17/09/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	5.5	3.9	6.9	
81	3671011632	36CVT1	L u Kim	Th	19/11/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
82	3671011896	36CVT1	Nguy n Th	Trang	02/07/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	6.5	4.6	7.6	
83	3671010487	36CVT1	V ấ D ng Vi t	Trân	10/05/1994				2.5	2.0		2.3	0.7	0.0	0.0	0.7	
84	3671011934	36CVT1	Tr n Th Nh	Trinh	20/03/1994				4.0	6.5		5.3	1.6	5.5	3.9	5.4	
85	3671010253	36CVT1	Lê Thành	Tr ng	09/10/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	2.5	1.8	2.5	
86	3671011964	36CVT1	Nguy n Qu c	Trung	26/05/1994				3.0	4.8		3.9	1.2	2.5	1.8	2.9	
87	3671011561	36CVT1	Nguy n V ấ	Trung	12/05/1994				6.5	7.3		6.9	2.1	7.5	5.3	7.3	
88	3671011631	36CVT1	Ph m Quang	Trung	09/09/1994				4.0	4.5		4.3	1.3	6.5	4.6	5.8	
89	3671010776	36CVT1	Nguy n V ấ	Tr ng	15/09/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
90	3671010920	36CVT1	Nguy n V ấ	Vàng	05/05/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
91	3671011665	36CVT1	Tr n Th H ng	Vân	31/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
92	3671010335	36CVT1	Nguy n V ấ	Vinh	26/10/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
93	3572031453	36CVT1	Nguy n Thanh	V ấ	13/05/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
94	3671011147	36CVT1	Phan Anh	V ấ	26/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
95	3671010132	36CVT1	Ph m Tu n	V ấ	18/08/1991				5.0	5.0		5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 36CVT1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122067101103 - Quy ho ch tuy n t ấnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
96	3671012009	36CVT1	Nguy n Th V	02/10/1994				3.0	5.3		4.2	1.3	7.8	5.5	6.7	
97	3671010391	36CVT1	VHTh Thanh Xuân	06/03/1994				4.0	3.5		3.8	1.1	5.0	3.5	4.6	

T ng s : 97 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi o Vi²n B M»n

Gi o V Khoa